



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
GLOBAL ELECTRICAL TECHNOLOGY CORPORATION
www.toancau.vn

MẪU CBTT-02

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
NĂM BÁO CÁO: 2015

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình thành lập và phát triển.
3. Định hướng phát triển.
4. Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

PHẦN 2: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015
2. Những định hướng của Ban Giám Đốc
3. Báo cáo về nguồn vốn, chi số tài chính

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ CHỦ TỊCH CÔNG TY.

1. Đánh giá hoạt động kinh doanh
2. Hoạt động của HĐQT
3. Phân công nhiệm vụ của HĐQT
4. Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015.
5. Kế hoạch kinh doanh

PHẦN 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

PHẦN 5: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU**

Giấy chứng nhận đăng ký số: 0301446863

Vốn điều lệ: 92.364.460.000 đồng

Địa chỉ: Số 1 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM

Điện thoại: 08 37701055

Fax: 08 37701056

Website: www.toancau.vn

Mã cổ phiếu: GLT

II. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN

1. Quá trình thành lập công ty:

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu đã hoạt động khá thành công trong các lĩnh vực như: Đầu tư hạ tầng viễn thông, đầu tư vào các công ty chuyên ngành, xây dựng và vận hành bảo dưỡng các công trình dân dụng, dịch vụ kỹ thuật cao, sản xuất thiết bị điện công nghiệp, tích hợp hệ thống trung tâm dữ liệu, kinh doanh sản phẩm và tích hợp giải pháp.

Năm 1996	Ngày 09 tháng 10 năm 1996 Công ty Thương mại Toàn Cầu A (TNHH) với tên giao dịch tiếng Anh là GLT Co., Ltd được chính thức thành lập.
Năm 2005	Ngày 28 tháng 12 năm 2005 đã chính thức chuyển sang hình thức hoạt động là cổ phần với việc đổi tên thành Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004205 do Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM với vốn điều lệ 6 tỷ đồng.
Năm 2007	Liên kết với VinaCapital – Vietnam Infrastructure Investment Ltd (Quỹ Đầu tư cơ sở Hạ tầng) thành lập Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu. Liên doanh với Site Preparation Management Co., Ltd (Thái Lan) và Atlas CSF SDN.BHD (Malaysia) thành lập Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem.
Năm 2008	Ngày 31/01/2008, Công ty chính thức đăng ký là công ty đại chúng. Mở rộng lĩnh vực xây dựng hạ tầng cho viễn thông BTS với tốc độ phát triển 199 trạm.
Năm 2009	Qua 06 lần tăng vốn đến ngày 13 tháng 07 năm 2009 tổng vốn điều lệ là 63.757.790.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446863 ngày 13 tháng 7 năm 2009.
Năm 2010	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần 8: tăng vốn điều lệ lên 92.364.460.000 đồng
Năm 2011	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 13: thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại số 1 Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Inno sở hữu đất tại Tân Thuận với tổng diện tích 5000m ² . Hội đồng quản trị thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu

Năm 2012	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 14: bổ sung ngành nghề kinh doanh Hội đồng quản trị thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Toàn Cầu cho 2 nhà đầu tư là Southeast Asia Telecommunications và Delong Opportunity Investments Pte có trụ sở tại Singapore
Năm 2013	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 16: bổ sung ngành nghề kinh doanh
Năm 2014	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 17: thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại số 1 Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM Hội đồng quản trị thông qua việc thành lập Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu với vốn điều lệ là 30 tỷ hoạt động trong lĩnh vực cho thuê trạm BTS.
Năm 2015	Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 18 : thay đổi người đại diện pháp luật. - Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu chính thức đi vào hoạt động từ tháng 6/2015. - Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Hanel CSF cho đối tác khác.

2. Quá trình phát triển:

- Sau 20 năm hoạt động, công ty Toàn Cầu đã có những bước phát triển và ổn định trong lĩnh vực ngành nghề đang hoạt động chuyên sâu trong các lĩnh vực kỹ thuật cao, bao gồm: điện, điện tử, đầu tư hạ tầng viễn thông, tích hợp hệ thống hạ tầng trung tâm dữ liệu, ... Hoạt động và mạng lưới kinh doanh của công ty Công ty đã phát triển khắp cả nước với trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh, chi nhánh tại Hà Nội.
- Với 1 bộ máy tổ chức tinh gọn, 1 đội ngũ nhân viên nhiệt tình có trình độ và tính chuyên nghiệp cao; với nguồn tài chính lành mạnh và với 1 vị thế vững chãi trên thương trường, công ty Toàn Cầu luôn được khách hàng và các đối tác trong và ngoài nước tin tưởng đánh giá cao.
- Công ty sở hữu 3 công ty con với vốn góp và tỉ lệ sở hữu như sau:
 - Công ty TNHH Liên doanh Global-Sitem: 1.635.330.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 51%.
 - Công ty CP Inno: 14.994.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 99.98%.
 - Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu: vốn điều lệ 30 tỷ, tỷ lệ sở hữu 100%

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

HDQT và Ban điều hành công ty đã thống nhất mục tiêu chiến lược tập trung trong 3 lĩnh vực kinh doanh xuyên suốt trong quá trình hoạt động. Việc thống nhất mục tiêu chiến lược giúp công ty định hướng được những lĩnh vực cần tập trung và đầu tư nguồn lực để phát huy lợi thế lớn nhất thế mạnh của mình.

1. Lĩnh vực phát triển

- Giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu - Datacenter : Đây là thị trường rất rộng lớn. Việc cung cấp hạ tầng cho Trung tâm dữ liệu, Công ty đã có những dự án lớn thực hiện cả trong nước và ngoài nước. Khách hàng của công ty là các công ty viễn thông lớn như Viettel, VDC, FPT, VCB, Vinadata...

2. Lĩnh vực khai thác

- Giải pháp chống sét và hệ thống nguồn: Đây là lĩnh vực hoạt động truyền thống của công ty và mang lại doanh số lớn cho công ty. Tuy nhiên những năm vừa qua nền kinh tế khó khăn, các dự án lớn đều bị hoãn lại, thị trường viễn thông bão hòa, các nhà mạng di động giảm đầu tư, vì thế doanh số của Công ty cũng bị ảnh hưởng rõ rệt. Với năng lực và kinh nghiệm lâu năm của Công ty, Toàn Cầu đang đẩy mạnh và tập trung việc tích hợp giải pháp nhiều sản phẩm để mang lại cho khách hàng một giải pháp tin cậy và hiệu quả.
- Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng viễn thông di động – BTS: Công ty đang sở hữu 179 trạm BTS. Giá trị đầu tư có tính ổn định về doanh số và lợi nhuận lâu dài.

3. Lĩnh vực tiềm năng

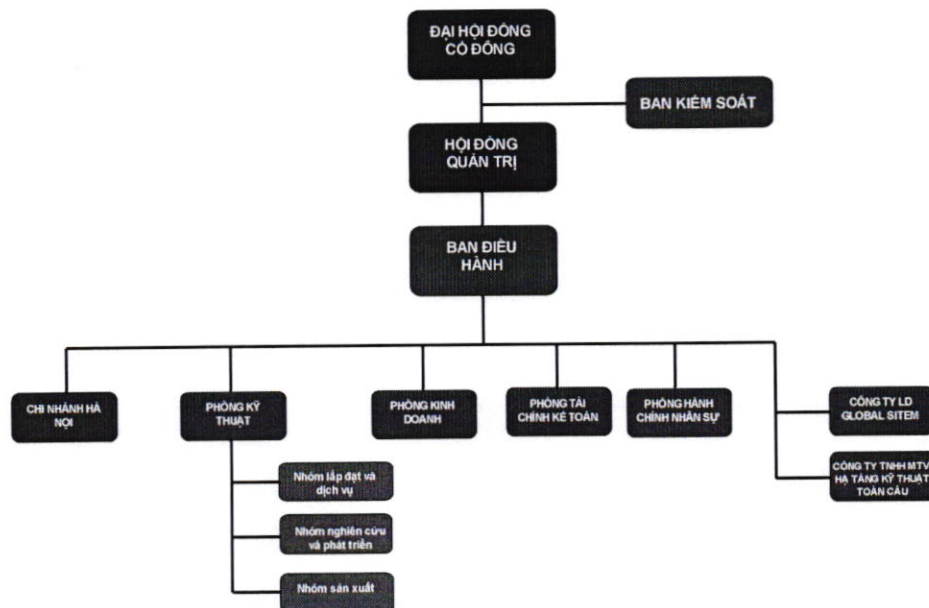
- Sản phẩm mới về hạ tầng mạng IT: Các sản phẩm này được Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem là công ty con của Toàn Cầu kinh doanh đã chính thức trở thành nhà phân phối các sản phẩm của hãng Aten (Đài Loan) & Commscope (Mỹ).
- Aten là nhà cung cấp lớn nhất trên thế giới về sản phẩm KVM cho việc quản lý kết nối từ xa và quản lý hệ thống máy chủ và thiết bị mạng. Aten đã nhận nhiều giải thưởng về Công nghệ tiên tiến và Sản phẩm Chất lượng trên thế giới.
- Commscope là nhà cung cấp hàng đầu về các giải pháp hạ tầng mạng cho với công nghệ hiện đại, sản phẩm chất lượng cao, giải pháp đa dạng cho mọi hiện trạng của khách hàng. Hiện nay đã mua phân khúc băng rộng của TE.
- Đồng thời công ty cũng tìm kiếm và đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp : thông qua việc ký kết phân phối sản phẩm của các hãng như : Cheval (nhà thiết kế và phân phối tủ Rack hàng đầu thế giới) và Promise Technology (nhà sản xuất thiết bị lưu trữ chất lượng cao).

IV. TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.

- Hội đồng quản trị: 7 người
- Ban kiểm soát: 3 người
- Ban Giám đốc: 3 người
- Tổng số nhân viên: 50 người
- Các phòng ban chức năng: Khối SX- KD-DV, Phòng đầu tư, Phòng tài chính kế toán, Phòng Nhân sự...



CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU



PHẦN 2:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

1. Về doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hợp nhất của Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT) trong năm 2015 là 194 tỷ đồng đạt 114% so với kế hoạch, và tăng 33.7% so với năm 2014. Trong đó đóng góp chủ yếu vào sự tăng trưởng đến từ các nhóm sản phẩm thuộc lĩnh vực phát triển như máy lạnh chính xác và hạ tầng Datacenter.

2. Về doanh thu tài chính

Hoạt động tài chính của Toàn Cầu vẫn duy trì kiểm soát tốt. Doanh thu hoạt động tài chính năm nay đến từ lãi tiết kiệm và cho vay nội bộ.

3. Về lợi nhuận hợp nhất

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế công ty mẹ năm 2015 là: 23.292 tỷ đồng tăng so với kế hoạch là 137%. Đây là kết quả tốt cho thấy trong tình hình kinh tế đang hồi phục chậm công ty vẫn có sự tăng trưởng về doanh thu, đồng thời kiểm soát được chi phí để kết quả kinh doanh đạt hiệu quả cao.

II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Về nhân sự: công ty đã xây dựng được bộ máy nhân sự chuyên môn cao và có nhiệt huyết gắn bó với công ty lâu dài. Đồng thời công ty vẫn đang áp dụng các chính sách tốt để duy trì nhân sự nòng cốt, tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để ngày càng hoàn thiện bộ máy quản lý chuyên nghiệp và hoạt động hiệu quả hơn.
- Về năng lực triển khai dự án: công ty đã và đang xây dựng tốt đội ngũ triển khai các dự án lớn, nhiều khách hàng như : VCB, VIETTEL, VIETTEL Global, VMS, VDC ... đã đánh giá cao về khả năng thực hiện các dự án không chỉ trong nước mà còn ở nước ngoài.
- Tạo ra dòng tiền lớn trong thời điểm khó khăn, đến nay công ty đang có dòng tiền mặt hơn 80 tỷ đồng. Vì vậy Ban điều hành phải tích cực tìm phương án kinh doanh, giải pháp mới để sử dụng hiệu quả nguồn vốn.
- Công ty hiện tại vẫn tập trung phát triển các giải pháp, sản phẩm chính của mình như: Giải pháp chống sét, hạ tầng trung tâm dữ liệu, giải pháp nguồn sạch và liên tục, hạ tầng viễn thông BTS. Tuy nhiên công ty sẽ tìm kiếm để có thêm các giải pháp, sản phẩm mới trong lĩnh vực kỹ thuật điện và hạ tầng trung tâm dữ liệu.
- Sản phẩm và giải pháp mới: công ty hiện nay đã được các nhà cung cấp uy tín trên thế giới ủy quyền phân phối các dòng sản phẩm như: ATEN (Đài Loan), COMMScope (Mỹ), giải pháp lưu trữ PROMISE, tủ rack CHEVAL..

III. BÁO CÁO VỀ NGUỒN VỐN - CHỈ SỐ TÀI CHÍNH.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2016: 10.000 VNĐ / Cổ phần
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:
 - Vốn góp đầu năm: 92.364.460.000 đồng
 - Vốn góp tăng trong năm: 0 đồng
 - Vốn góp cuối năm: 92.364.460.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đến thời điểm 31/03/2016): 8.131.296 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.105.150 cổ phiếu.
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm 2015: 11.913.144.000 đồng

6. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo
Cơ cấu tài sản	
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	11.11%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	88.89%
Cơ cấu nguồn vốn	
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	51.68%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	48.32%
Khả năng thanh toán	
- Khả năng thanh toán nhanh	1.49 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành	1.74 lần
Tỷ suất lợi nhuận	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10.97%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12.00%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	22.71%

PHẦN 3:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Năm 2015 là năm có ý nghĩa to lớn và quan trọng diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Trong bối cảnh như vậy, Công ty Toàn Cầu cũng có hoạt động xuất nhập khẩu chắc chắn cũng có ảnh hưởng không nhỏ.
- Tuy nhiên, trong năm 2015, Hội đồng quản trị được Đại hội cổ đông giao nhiệm vụ với kế hoạch 2015 là doanh thu 170 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế riêng của công ty mẹ là 17.6 tỷ đồng. Bằng nỗ lực cùng với sự cố gắng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã đạt và vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ đạt kế hoạch
Doanh thu	170.000.000	194.084.418	114%
Lợi nhuận trước thuế	26.965.000	36.844.312	137%
Lợi nhuận sau thuế riêng công ty mẹ	17.616.914	23.292.552	132%

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý, thông qua và quyết định nhiều vấn đề quan trọng và giải quyết, hỗ trợ Ban điều hành trong việc xây dựng chiến lược, đường hướng hoạt động kinh doanh phù hợp với chiến lược công ty và Tập đoàn ITD. Cụ thể:

- ✓ Xem xét báo cáo tài chính hàng quý
- ✓ Thông qua kế hoạch mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết ĐHCĐ
- ✓ Bổ nhiệm thay thế Kế toán trưởng công ty
- ✓ Chia trả cổ tức năm 2014 đợt cuối bằng tiền mặt (5%) và tạm ứng cổ tức năm 2015 đợt 1 bằng tiền mặt (10%)
- ✓ Tìm kiếm phương án khả thi đối với 5.000 m² đất tại Khu chế xuất Tân Thuận
- ✓ Tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo thời gian đúng quy định
- ✓ Thông qua xem xét và hỗ trợ Ban điều hành tìm kiếm, xúc tiến nhiều dự án.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRONG HĐQT NĂM 2015:

Để hỗ trợ Ban điều hành nhanh chóng và kịp thời, tổng thể và khách quan, HĐQT đã phân công từng thành viên với 2 Tiểu ban như sau

1. Tiểu ban quản trị:
 - Ông Nguyễn Ngọc Trung
 - Bà Nguyễn Hương Giang
 - Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết
2. Tiểu ban Phát triển Kinh doanh:
 - Ông Mai Minh Tân
 - Ông Nguyễn Hữu Dũng
 - Ông Tạ Huy Phong
 - Ông Thomas Hermansen

IV. THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015.

Trong năm 2015, tổng số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là: 193.800.000 đồng. Chi phí này phù hợp với mức thù lao đã được ĐHCĐ phê duyệt.

V. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016, nền kinh tế được đánh giá là tiếp tục phát triển, hiệu quả đầu tư trong nước tiếp tục cải thiện, các chính sách hỗ trợ tăng trưởng với sự tham gia của Việt Nam đối với các hiệp định tự do thương mại. Tuy nhiên, doanh nghiệp trong nước cũng phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức và rủi ro nhất định. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị vẫn tiếp tục phát huy kinh doanh những lĩnh vực thế mạnh, gồm:

- **Lĩnh vực phát triển:**
 - ☞ Máy lạnh chính xác
 - ☞ Dịch vụ MLCX (Lắp đặt và bảo trì)
- **Lĩnh vực khai thác:**
 - ☞ Hạ tầng viễn thông di động
 - ☞ Giải pháp chống sét
 - ☞ Giải pháp nguồn
 - ☞ Dịch Vụ BTS
- **Lĩnh vực tiềm năng:**
 - ☞ Sản phẩm Khác (M&E ...)
 - ☞ Sản phẩm khác GSC cho TTDL
 - ☞ Sản phẩm Aten, Commscope, Promise, Cheval..

→ Việc thống nhất được và phát huy thế mạnh kinh doanh hiện nay giúp công ty phát triển một cách bền vững.

→ Kế hoạch kinh doanh đặt ra trong 2016 đầy thử thách, với:

Chỉ tiêu tài chính	Kế hoạch năm từ 1/4/2016-31/03/2017
Doanh thu thuần hợp nhất	210.000.000
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất công ty mẹ	20.000.000
Lợi nhuận sau quỹ hợp nhất riêng công ty mẹ	19.000.000
EPS	2.317
Chi trả cổ tức dự kiến năm 2016 bằng tiền mặt	20%

PHẦN 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

I. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán Và Tư Vấn A&C.

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Quận Tân Bình – TP Hồ Chí Minh

2. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ :

3. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng Cân đối kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188,692,877,457	148,543,645,935
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54,239,334,506	35,731,447,453
1. Tiền	111		39,781,368,020	23,064,243,678

2.	Các khoản tương đương tiền	112		14,457,966,486	12,667,203,775
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34,421,560,445	51,604,467,996
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	34,421,560,445	51,604,467,996
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73,074,202,539	43,968,697,663
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6,513,515,754	37,518,441,747
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12,344,011,060	4,562,063,855
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	6,000,000,000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2,200,301,942	6,927,882,509
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(3,983,626,217)	(5,039,690,448)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.8	22,193,980,266	14,038,061,061
1.	Hàng tồn kho	141		24,745,064,625	16,028,761,106
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,551,084,359)	(1,990,700,045)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4,763,799,701	3,200,971,762
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2,043,240,789	1,913,474,554
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,722,312,555	1,287,497,208
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	998,246,357	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		23,582,461,147	23,367,292,948
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		10,031,281,097	8,432,268,366
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	7,299,000,000	6,786,457,000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2,732,281,097	2,744,768,366
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	-	(1,098,957,000)

II. Tài sản cố định	220		10,334,937,833	10,969,860,079
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	753,312,833	1,012,485,079
- Nguyên giá	222		2,240,560,035	2,240,560,035
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,487,247,202)	(1,228,074,956)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	9,581,625,000	9,957,375,000
- Nguyên giá	228		11,382,188,000	11,382,188,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,800,563,000)	(1,424,813,000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	1,233,056,183	1,475,863,078
- Nguyên giá	231		40,203,494,615	40,069,123,405
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(38,970,438,432)	(38,593,260,327)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	-	1,831,595,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	-	(1,831,595,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,983,186,034	2,489,301,425
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	71,473,706	154,325,235
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	224,326,301	310,112,963
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	1,687,386,027	2,024,863,227
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		212,275,338,604	171,910,938,883

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		109,710,639,574	61,653,865,143
I. Nợ ngắn hạn	310		108,383,989,302	53,243,291,508
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	12,948,534,270	8,499,945,200
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	27,152,477,552	2,788,042,285
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	5,834,824,807	3,960,377,810
4. Phải trả người lao động	314	V.18	3,129,932,205	1,919,623,316
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19a	1,909,628,475	1,718,269,940
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	7,268,796,938	605,005,223
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	6,686,531,164	12,400,003,250
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	38,276,317,711	17,279,972,684
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23a	3,717,677,927	2,131,702,861
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	1,459,268,253	1,940,348,939
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,326,650,272	8,410,573,635
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19b	292,023,697	344,063,879
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20b	220,771,575	6,862,715,381
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23b	813,855,000	1,203,794,375

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ 343 - -

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102,564,699,030	110,257,073,740
I. Vốn chủ sở hữu	410		102,564,699,030	110,257,073,740
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	92,364,460,000	92,364,460,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92,364,460,000	92,364,460,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	6,083,358,132	6,083,358,132
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.25	(23,249,795,357)	(3,190,365,357)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	-	2,841,546,908
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	20,186,321,249	7,060,442,598
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6,022,465,875	7,060,442,598
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14,163,855,374	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	7,180,355,006	5,097,631,459
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		212,275,338,604	171,910,938,883

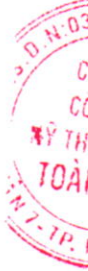
2. Kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
				Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	194,172,202,311	145,378,984,328
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		87,783,568	175,834,000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194,084,418,743	145,203,150,328
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	128,599,876,826	88,602,771,630
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65,484,541,917	56,600,378,698
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,440,754,164	5,204,646,785
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1,766,609,387	701,064,475
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,605,547,002	480,825,941
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	19,592,320,133	20,056,577,639
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11,824,817,637	13,266,196,330
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36,741,548,924	27,781,187,039
12.	Thu nhập khác	31		217,207,826	23,404,808
13.	Chi phí khác	32		114,444,519	241,459,495
14.	Lợi nhuận khác	40		102,763,307	(218,054,687)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36,844,312,231	27,563,132,352
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	8,063,219,527	6,322,039,983
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	85,786,662	(133,902,083)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28,695,306,042	21,374,994,452
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		23,292,552,940	17,794,007,828
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.26	5,402,753,102	3,580,986,624
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.7	2,610	1,794
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.7	2,610	1,794



PHẦN 5

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ

I. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT ĐƯƠNG NHIỆM CỦA CÔNG TY (tỷ lệ sở hữu vốn tại thời điểm 10/6/2015):

Họ và tên	Chức vụ	SL cổ phần sở hữu		Tổng cộng
		Đại diện	Sở hữu	
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Chủ tịch HĐQT	00	00	00 (chiếm 00% vốn điều lệ)
Ông Thomas Hermansen	Thành viên HĐQT	00	00	00 (chiếm 00% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT/TGD	00	39	39 (chiếm 0.0% vốn điều lệ)
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên HĐQT	00	15.955	15.955 CP (chiếm 0.2% vốn điều lệ)
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên HĐQT	00	57.034	57.034 CP (chiếm 0.72 % vốn điều lệ)
Ông Mai Minh Tân	Thành viên HĐQT độc lập	00	00	00 (chiếm 0% vốn điều lệ)
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên HĐQT độc lập	00	149.765	149.765 (chiếm 1.84% vốn điều lệ)
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Trưởng BKS	00	00	00 (chiếm 0% vốn điều lệ)
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên BKS	00	00	00 (chiếm 0% vốn điều lệ)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	00	14.836	14.836 CP (chiếm 0.18% vốn điều lệ)

Thành viên HĐQT có 5/7 thành viên không đảm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của công ty. Ban kiểm soát có 3/3 thành viên không tham gia vào bộ máy điều hành của công ty.

II. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG VỐN GÓP

1. Cổ đông góp vốn trong nước

Đến thời điểm 25/5/2016, cổ đông trong nước chiếm 79.56 % tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty. Trong đó, các cổ đông lớn (từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty) bao gồm:

- Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong
- Địa chỉ: Số 1 Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM
- Số lượng cổ phần sở hữu: 3.903.949 cổ phần

- Tỷ lệ vốn góp của công ty: 48.01%
- Công ty cổ phần Đầu tư Tánh Linh
- Địa chỉ: 79A đường số 25, phường Tân Qui, Q.7, TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu: 900.000 cổ phần
- Tỷ lệ vốn góp của công ty: 11.07 %
- American LLC
- Địa chỉ: PO Box CR-56766 Suite NAS485, Nassau Bahamas
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.345.780 cổ phần
- Tỷ lệ vốn góp của công ty: 16.55 %

2. Cổ đông góp vốn nước ngoài

- Đến thời điểm 25/5/2016 cổ đông nước ngoài chiếm 20.44% tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty.

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 6 năm 2016

Tổng giám đốc



TA HUY PHONG

